

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 220/2021/DS-PT

Ngày 21-12-2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Mai

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Vân

Bà Phan Thị Mai Dung

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đăng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Trang, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và 21 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 178/2021/TLPT-DS ngày 04 tháng 11 năm 2021, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2021/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2021, của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 225/2021/QĐ-PT ngày 16 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H (Chín Lùn), sinh năm 1972; cư trú tại: Tổ 7, ấp TN, xã TB1, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1975; cư trú tại: Tổ 3, khu phố 6, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh (văn bản ủy quyền ngày 05/01/2021); có mặt.

2. Bị đơn: Bà Võ Thị Hải Y, sinh năm 1966; cư trú tại: Số 151, Tổ 5, ấp TN, xã TB1, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Y: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1983; cư trú tại: B08-05 c/c Phú Thạnh, 53 N, phường PT, quận TP, Thành phố

Hồ Chí Minh; (văn bản ủy quyền ngày 03/12/2021); có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973; cư trú tại: Tổ 4, ấp TT, xã TB1, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bà Võ Thị Hải Y là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/01/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Văn D trình bày:

Do quen biết nên bà H có cho bà Võ Thị Hải Y vay tiền 03 lần vay với số tiền 259.350.000 đồng, cụ thể:

- Lần 01: Vào khoảng 9 giờ ngày 12/01/2020 âm lịch nhằm ngày 05/02/2020 dương lịch tại nhà bà H, bà Y vay số tiền 100.000.000 đồng mục đích để làm vốn buôn bán, bà H đồng ý cho bà Y vay nhưng khi đếm lại tiền thì thiếu 1.000.000 đồng nên bà H chỉ giao cho bà Y vay 99.000.000 đồng, hai bên có ký giấy mượn nợ, nội dung giấy nợ do chồng bà H là ông Phan Thành Nhân viết dùm, bà H và bà Y ký tên. Khi vay lúc đầu thỏa thuận bà Y trả góp 300.000 đồng/ngày, sau đó bà H không đồng ý nên trong giấy nợ ghi lại thời hạn bà Y phải trả hết nợ trong vòng 03 tháng từ ngày 12/01/2020 âm lịch đến ngày 12/4/2020 âm lịch nhằm ngày 04/5/2020 dương lịch. Hai bên thỏa thuận miệng tiền lãi 30.000 đồng/tháng trên 1.000.000 đồng nợ gốc.

- Lần 02: Khoảng 15 giờ cùng ngày 12/01/2020 âm lịch, tại nhà H, bà Y vay tiếp 130.000.000 đồng, hai bên có ký giấy mượn nợ, nội dung giấy nợ cũng do ông Phan Thành N viết dùm, bà H và bà Y ký tên. Thời hạn vay và lãi suất như lần 1.

Sau khi vay, bà Y trả tiền lãi cho bà H được 02 lần 6.000.000 đồng, cụ thể: Lần 01 trả 4.000.000 đồng vào tháng 02/2020 âm lịch, lần 2 trả 2.000.000 đồng vào tháng 3/2020 âm lịch thì ngưng đóng lãi. Việc đóng lãi không làm giấy ký nhận, không ai chứng kiến. Còn tiền nợ gốc bà Y chưa trả khoản nào.

- Lần 03: Ngày 26/8/2020 âm lịch bà Y cần tiền trả nợ ngân hàng nên vay tiếp số tiền 30.350.000 đồng để trả tiền ngân hàng, bà Y có tự viết giấy nợ phần chữ số thì bà Y ghi nhầm “3350000” còn chữ viết thì bà Y ghi đúng số tiền vay 30.350.000 đồng (ba mươi triệu, ba trăm năm mươi ngàn), bà Y tự ký tên và viết họ tên. Lần vay này không thỏa thuận tiền lãi vì bà Y hứa miệng là vay tạm 03 ngày sẽ trả.

Do bà Y không trả nợ gốc nên trong năm 2020 không nhớ ngày tháng cụ thể, bà H yêu cầu bà Y tham gia góp 01 dây hụi 3.000.000 đồng/tháng, bà Y góp

03 phần, nhưng hình thức góp mỗi ngày 100.000 đồng/phần, thực chất việc góp hụi này là do bà H bịa ra nên hai bên không làm giấy hụi, không có danh sách hụi, không có hụi viên nào ngoài bà Y. Bà Y có góp cho bà H mỗi ngày 300.000 đồng nhưng không góp đầy đủ, bà không nhớ số tiền mà bà Y đã góp.

Bà H tiếp tục yêu cầu bà Y góp dây hụi ngày do bà Nguyễn Thị H làm chủ thảo, bà Y góp 02 phần, góp 85.000 đồng/01 phần/01 ngày, góp trong vòng 60 ngày, việc góp hụi đứng tên bà H, tiền hụi thì bà Y trực tiếp đóng cho bà H thực tế là để cản trừ nợ của bà H. Bà Y đã góp đủ 60 ngày số tiền 10.570.000 đồng. Mãn dây hụi này bà Y tiếp tục góp thêm lần thứ hai với bà H, bà Y đang góp được 37 ngày thành tiền 7.400.000 đồng thì bà H bẻ hụi bỏ trốn nên bà Y ngưng góp. Tổng cộng hụi ngày bà Y đã góp trả cho bà H được 17.970.000 đồng.

Ngoài ra, bà H có lấy hàng tạp hóa do bà Y bán để cản trừ nợ như củi đốt, gạo, đường, xà bông số tiền 6.000.000 đồng.

Tổng cộng bà Y đã trả được nợ gốc 17.970.000 đồng + 6.000.000 đồng = 23.970.000 đồng và việc bà Y có đóng dây hụi 3.000.000 đồng mỗi ngày góp 300.000 đồng cho bà H bao nhiêu bà không nhớ. Từ ngày vay đến nay, bà H xác định bà Y chỉ trả được 27.000.000 đồng.

Nay bà H yêu cầu bà Y hoàn trả số tiền nợ vay gốc còn lại 232.350.000 đồng, yêu cầu tính tiền lãi mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 26/8/2020 âm lịch đến khi giải quyết xong vụ án, không yêu cầu chồng bà Y phải có trách nhiệm liên đới cùng trả nợ.

Bị đơn – bà Võ Thị Hải Y trình bày:

Bà thừa nhận có vay tiền, tham gia góp hụi để trả nợ vay cho bà Nguyễn Thị H, cụ thể:

Từ tháng 7/2019 âm lịch bà có vay tiền nhiều lần của bà H đến tháng 11/2019 tổng cộng còn nợ 80.000.000 đồng, các lần vay đều không làm giấy nợ.

Khoản vay này bà đóng lãi đầy đủ cho bà H từ tháng 7 đến tháng 11/2019 trung bình 1.400.000 đồng/ 01 ngày nhưng không nhớ số tiền lãi đã đóng, khi trả lãi không làm giấy ký nhận. Còn tiền gốc thì bà và bà H thỏa thuận chờ bà H mở dây hụi để bà Y góp hụi trả nợ dần.

Do đó, đến ngày 11/01/2020 âm lịch bà H kêu bà Y tham gia góp hụi dây hụi 3.000.000 đồng/tháng, hụi do bà H làm chủ thảo, hụi có 11 phần, bà Y góp 03 phần, hụi 01 tháng khai 01 lần nhưng bà H kêu bà đóng tiền cho bà H mỗi ngày đóng 300.000 đồng để trừ nợ. Dây hụi này bà đã lĩnh hụi kỳ thứ nhất, cả 03 phần được số tiền 58.500.000 đồng. Bà H đã cản trừ nợ 40.000.000 đồng, số tiền còn lại bà H giao cho bà 18.500.000 đồng để bà làm ăn. Vì vậy, bà Y còn nợ bà H

tiền vay 40.000.000 đồng và nghĩa vụ đóng hui chết 90.000.000 đồng, tổng cộng nợ 130.000.000 đồng, không làm giấy nợ.

Sau đó bà tiếp tục trả nợ cho bà H được 98.870.000 đồng, như sau: Ngày 12/01/2020 âm lịch góp hui chết cho bà H đến ngày 19/8/2020 âm lịch được số tiền 74.100.000 đồng thì ngưng; góp 02 phần hui ngày được số tiền 17.970.000 đồng; trừ tiền bà H mua hàng tạp hóa của bà số tiền 6.000.000 đồng; ngày 21/10/2020 âm lịch và ngày 22/10/2020 âm lịch trả 800.000 đồng.

Giữa tháng 10/2020 âm lịch hai bên tính toán, bà còn nợ bà H 31.130.000 đồng. Bà H yêu cầu bà phải trả tiền lãi 04 tháng là 2.370.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 33.500.000 đồng nên ngày 26/8/2020 âm lịch bà ký giấy xác nhận nợ, lúc đó bà yêu cầu bà H hủy giấy nợ 130.000.000 đồng nhưng bà H không đồng ý hủy vì cho rằng bà chưa trả hết nợ.

Đối với Giấy mượn nợ số tiền là 130.000.000 đồng, bà không thừa nhận chữ ký nhưng xác định có nợ bà H 130.000.000 đồng.

Giấy nợ lập ngày 26/8/2020 số tiền 3350000 (ba mươi triệu, ba trăm năm mươi ngàn) đồng bà thừa nhận là chữ viết của bà còn chữ ký Võ Thị Hải Y không phải là chữ ký của bà.

Đối với “Giấy mượn nợ” số tiền 99.000.000 đồng không phải chữ viết, chữ ký của bà

Nay bà Y xác định chỉ còn nợ bà H 33.500.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 35/2021/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2021, của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với bà Võ Thị Hải Y về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Võ Thị Hải Y có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ vay gốc 202.780.000 (hai trăm lẻ hai triệu, bảy trăm tám mươi nghìn) đồng, tiền lãi là 13.443.000 (mười ba triệu, bốn trăm bốn mươi ba nghìn) đồng, tổng cộng gốc và lãi 216.223.000 (hai trăm mười sáu triệu, hai trăm hai mươi ba nghìn) đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu bà Võ Thị Hải Y hoàn trả số tiền 29.570.000 (hai mươi chín triệu năm trăm bảy mươi nghìn) đồng.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về nghĩa vụ chậm thi hành án, chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 13-10-2021, bà Y kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, bà chỉ chấp nhận trả số tiền 33.500.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.
- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn; căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa 1 phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, quá trình tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Xét về số tiền vay gốc: Bà Y không thừa nhận số nợ vay và việc trả tiền gốc như nguyên đơn khởi kiện mà chỉ thừa nhận số tiền vay ban đầu là 80.000.000 đồng. Đối với khoản vay 130.000.000 đồng, bà Y thừa nhận có nợ bà H số tiền này nhưng cũng xuất phát từ khoản vay 80.000.000 đồng. Đối với giấy nợ 33.500.000 đồng bà Y thừa nhận có viết giấy nợ nhưng cho rằng đây là số tiền còn nợ bà H, không phải tiền vay.

[2] Xét thấy, tại Kết luận giám định số 3155/KL/KTHS ngày 18/6/2021 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh đã khẳng định chữ ký, chữ viết trên “Giấy mượn nợ” lập ngày 05/02/2020 số tiền 99.000.000 đồng là chữ ký, chữ viết của bà Y. Trong quá trình giải quyết vụ án, đối với khoản vay 130.000.000 đồng, bà Y thừa nhận có xác nhận nợ với bà H sau khi hốt hụi trừ nợ cũ 40.000.000 đồng nhưng bà Y không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh có số tiền vay 80.000.000 đồng và việc hốt hụi trừ nợ như bà Y trình bày. Việc bà Y thừa nhận có nợ bà H số tiền 130.000.000 đồng là chứng cứ không phải chứng minh và chứng cứ này phù hợp với lời khai của bà Y, bà H về số tiền và thời gian viết giấy nợ. Do đó, cấp sơ thẩm xác định bà Y có vay bà H tổng số tiền 259.350.000 đồng là có căn cứ.

[3] Về số tiền gốc và tiền lãi đã trả: Hai bên thống nhất số tiền bà Y đã trả cho bà H gồm: Tiền trả góp cho bà H với hình thức chơi hụi của bà H là 4.800.000 đồng, tiền trả góp cho bà H với hình thức chơi hụi của bà H là 17.970.000 đồng, tiền trả góp ngày 21 và 22-10-2020 (âm lịch) 800.000 đồng; tiền mua hàng tạp hóa của bà Y là 6.000.000 đồng tổng cộng 23.570.000 đồng;

số tiền bà H thừa nhận đã nhận của bà Y gồm: 27.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi 6.000.000 đồng.

[4] Phần 2 bên không thống nhất gồm: Bà Y cho rằng tiền hui đã trả góp cho bà H với hình thức chơi hui của bà H tổng cộng 74.100.000 đồng (không làm biên nhận) trong đó, có gửi cho một số người gần nhà bà H (không nhớ bao nhiêu tiền), bà H thừa nhận có nhận tiền lãi 6 tháng là 6.000.000 đồng tiền hui trả góp của bà H nhưng không nhớ bao nhiêu tiền. Quá trình thu thập chứng cứ, bà H thừa nhận có nhận tiền góp hui do bà Y trả và gửi nhờ qua người khác nhưng không nhớ là bao nhiêu và nằm trong số tiền 27.000.000 đồng bà Y đã trả. Qua thu thập chứng cứ, người làm chứng thừa nhận có nhận tiền do bà Y nhờ gửi cho bà H, cụ thể: Anh Hiếu (tên gọi khác là Lucky) thừa nhận có nhận của bà Y 2-3 lần, chị Loan thừa nhận có nhận 3-4 lần, chị Cẩm thừa nhận có nhận chưa đến 10 lần mỗi lần 300.000 đồng. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chưa cho 2 bên đương sự đối chất với người làm chứng. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý trừ số tiền đã nhận từ những người làm chứng nêu trên với số tiền 4.800.000 đồng vào tiền gốc, bà Y cũng thống nhất nên cần ghi nhận.

[5] Như vậy, số tiền gốc bà Y đã trả cho bà H là 61.370.000 đồng; tiền lãi đã trả là 6.000.000 đồng. Do đó, số tiền bà Y còn nợ bà H là: 259.350.000 đồng – 61.370.000 đồng = 197.980.000 đồng.

[6] Tiền lãi từ ngày 12-10-2020 (26-8-2020 âm lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm 29-9-2021 là: 11 tháng 17 ngày x 197.980.000 đồng x 0,83%/tháng = 19.006.740 đồng. Khấu trừ số tiền lãi bà H đã nhận: 19.006.740 đồng – 6.000.000 đồng = 13.006.740 đồng. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi bà Y phải trả cho bà H là 210.986.740 đồng.

[7] Về tiền lãi chậm thi hành án: Căn cứ hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết 01/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm” đối với Hợp đồng vay có lãi và có kỳ hạn thì người phải thi hành án phải chịu lãi chậm trả kể từ ngày tiếp theo ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong. Cấp sơ thẩm tuyên thời gian chịu lãi kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu là chưa chính xác.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, có cơ sở chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[9.1] Bà Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận: 210.986.740 đồng x 5 % = 10.549.337 đồng.

[9.2] Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với một phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận: $34.370.000 \text{ đồng} \times 5 \% = 1.718.500 \text{ đồng}$.

[10] Án phí phúc thẩm dân sự: Do kháng cáo của bị đơn được chấp nhận nên bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, bà Võ Thị Hải Y.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2021/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2021, của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào các Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự; khoản 4 Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với bà Võ Thị Hải Y về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Võ Thị Hải Y trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền vay gốc 210.986.740 (hai trăm mười triệu, chín trăm tám mươi sáu nghìn, bảy trăm bốn mươi) đồng, trong đó, tiền gốc là 197.980.000 (một trăm chín mươi bảy triệu, chín trăm tám mươi nghìn) đồng, tiền lãi là 13.006.740 (mười ba triệu, không trăm lẻ sáu nghìn, bảy trăm bốn mươi) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Y phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu bà Võ Thị Hải Y hoàn trả số tiền 34.370.000 (ba mươi bốn triệu, ba trăm bảy mươi nghìn) đồng.

3. Về chi phí giám định: Bà Võ Thị Hải Y có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị H 2.040.000 (hai triệu, không trăm bốn mươi nghìn) đồng.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Bà Võ Thị Hải Y phải chịu 10.549.337 (mười triệu, năm trăm bốn mươi chín nghìn, ba trăm ba mươi bảy) đồng.

4.2. Bà Nguyễn Thị H phải chịu 1.718.500 (một triệu, bảy trăm mười tám nghìn, năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 5.808.000 (năm triệu tám trăm lẻ tám

ngàn) đồng theo biên lai thu số 0004863 ngày 13/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Bà H được trả lại số tiền 4.089.500 (bốn triệu, không trăm tám mươi chín ngàn, năm trăm) đồng.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Thị Hải Y không phải chịu, được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số 0003508 ngày 13/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- TAND huyện TB;
- Chi cục THADS huyện TB;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Thị Hồng Mai

